

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LƯƠNG SƠN
TỈNH HÀ BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2021/HNGĐ – ST

Ngày: 09/7/2021

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LƯƠNG SƠN TỈNH HÀ BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Lan Anh

Các hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Huyền và ông Nguyễn Kim Hợp.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hà Phương Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đông – Kiểm sát viên

Vào hồi 8 giờ 30 phút ngày 09 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hoà Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2021/TLST - HNGĐ ngày 01/3/2021 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST- HNGĐ, ngày 18/6/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T – sinh năm 1990.

HKTT: Xóm Ng, xã LS, huyện LS, tỉnh HB.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ch – sinh năm 1989.

HKTT: Xóm Ng, xã LS, huyện LS, tỉnh HB.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1970

HKTT: Xóm Ng, xã LS, huyện LS, tỉnh HB.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05/01/2021; bản tự khai; biên bản lấy lời khai; biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Ch tự nguyện tự hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TS (nay là xã LS) ngày 29/12/2009. Sau khi kết hôn hai vợ chồng anh sống tại gia đình anh ở xóm Ng, xã LS, huyện LS, tỉnh HB. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do tính tình không hợp cộng với việc trong thời gian này anh mua xe taxi để chạy ở sân bay Nội Bài nhưng làm ăn thua lỗ, chị Ch và gia đình không thông cảm chia sẻ gánh nặng kinh tế cùng anh mà cho rằng anh chơi bời nên có thái độ lạnh nhạt xa lánh coi thường không tôn trọng anh, vợ chồng thường xảy ra cãi chửi nhau, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên từ năm 2016 đến nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Anh T xác định không còn tình cảm, không còn thương yêu quý trọng chị Ch, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ch.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung.

1/ Nguyễn Thị Thanh Tr – sinh ngày 06/9/2010.

2/ Nguyễn Thanh H – sinh ngày 16/8/2013.

Lúc đầu anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh nuôi cháu Nguyễn Thị Thanh Tr - sinh ngày 06/9/2010, chị Ch nuôi con Nguyễn Thanh H – sinh ngày 16/8/2013, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Tuy nhiên sau đó anh chị tự thỏa thuận nếu ly hôn chị Nguyễn Thị Ch trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh Tr – sinh ngày 06/9/2010 và Nguyễn Thanh H – sinh ngày 16/8/2013 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Ch chưa yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công sức đóng góp: Chị Ch trình bày trong thời gian chị làm dâu nhà anh , năm 2013 gia đình anh xây nhà chị có đóng góp xây nhà cùng gia đình anh với tổng số tiền là 48.000.000 đồng (Bốn tám triệu đồng). Ngôi nhà này hiện nay mẹ anh bà Nguyễn Thị X đang quản lý, sử dụng, mẹ anh đồng ý trả cho chị Ch 48.000.000 đồng, anh không có ý kiến gì.

Về công nợ: Không có, không đề nghị Tòa giải quyết.

Anh không đồng ý bồi thường tuổi thanh xuân cho chị Ch với số tiền 50.000.000 đồng như chị Ch yêu cầu.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Ch trong văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án, bản tự khai ngày 05/3/2021, 12/4/2021 trình bày ý kiến như sau: Chị xác nhận thời gian, điều kiện kết hôn như anh Nguyễn Văn T trình bày là đúng. Vợ chồng anh chị đăng ký kết hôn ngày 11/12/2009 tại UBND xã TS (nay là xã LS) và sống cùng gia đình

chồng ở xóm Ng, xã LS, huyện LS, tỉnh HB. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình anh chị không hợp nhau, từ khi mẹ chồng chị mua xe cho anh T đi làm ăn thì anh T có người phụ nữ khác không quan tâm đến gia đình vợ con. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 đến nay không quan tâm đến nhau, nay anh T đề nghị giải quyết ly hôn với chị, chị đồng ý. Tuy nhiên tại bản tự khai ngày 05/5/2021, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa chị Ch thay đổi quan điểm, chị trình bày mâu thuẫn vợ chồng chị chưa trầm trọng, chị vẫn còn tình cảm với anh T, các con chị cần có bố chị xin được đoàn tụ gia đình. Nếu anh T bồi thường tuổi thanh xuân cho chị 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) thì chị đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung.

1/ Nguyễn Thị Thanh Tr – sinh ngày 06/9/2010.

2/ Nguyễn Thanh H – sinh ngày 16/8/2013.

Thời gian đầu khi đồng ý ly hôn với anh T, chị đề nghị được nuôi hai con, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị mỗi tháng 1.000.000 đồng một cháu. Sau này chị xin đoàn tụ gia đình vì lý do vẫn còn thương yêu anh T thì chị trình bày nếu phải ly hôn chị vẫn đề nghị được nuôi hai con, nhưng chị chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công sức đóng góp: Chị Ch trình bày trong thời gian chị làm dâu nhà anh T, năm 2013 gia đình anh xây nhà chị có đóng góp xây nhà cùng gia đình anh với tổng số tiền là 48.000.000 đồng (trong đó tiền sơn là 14.000.000 đồng, tiền làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 14.000.000 đồng, tiền công chị phụ gia đình xây nhà là 20.000.000 đồng). Ngôi nhà này hiện nay mẹ anh T là bà Nguyễn Thị X đang quản lý, sử dụng, chị yêu cầu bà Nguyễn Thị X trả cho chị tiền công sức đóng góp là 48.000.000 đồng.

Về công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Ch yêu cầu anh Nguyễn Văn T phải bồi thường tuổi thanh xuân cho chị với số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Tại biên bản lấy lời khai cũng như tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị X trình bày: Bà xác nhận năm 2013 khi gia đình bà xây nhà chị Ch có đóng góp cho gia đình bà số tiền 48.000.000 đồng và bà đồng ý trả cho chị Ch số tiền này. Đồng thời bà cũng xác nhận con trai và con dâu bà sống ly thân từ năm 2016 đến nay không quan tâm đến nhau, tuy nhiên bà nhận thấy mâu thuẫn giữa

các con bà chưa trầm trọng, bà mong muốn các con bà đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái.

Biên bản xác minh ngày 10/5/2021 tại đại diện xóm Ng, xã LS, huyện LS, tỉnh HB xác nhận anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Ch có đăng ký kết hôn và tổ chức cưới hỏi. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2016 thì giữa anh T và chị Ch xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T có người phụ nữ khác nên vợ chồng xảy ra xích mích, cãi vã. Anh T và chị Ch sống ly thân từ năm 2016 đến nay, anh T sống ở nơi khác, còn chị Ch sống cùng hai con ở nhà mẹ chồng. Nay anh T có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với chị Ch, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với vụ án này theo quy định của pháp luật Tòa án đã hòa giải về quan hệ hôn nhân, anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ch, chị Ch xin đoàn tụ gia đình; Tòa án đã hòa giải về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung thì các đương sự đã thỏa thuận được với nhau; Tài sản chung các đương sự tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết; Công sức đóng góp các đương sự đã thỏa thuận được với nhau; Công nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị Ch yêu cầu anh T bồi thường tuổi thanh xuân cho chị với số tiền 50.000.000 đồng, anh T không đồng ý.

Ý kiến của Đại diện của Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, đương sự thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 61, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn Tích.

+ Xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ch.

+ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1/ Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ch trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng Nguyễn Thị Thanh Tr, sinh ngày 06/9/2010 và cháu Nguyễn Thanh H, sinh ngày 16/8/2013 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Ch chưa yêu

cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Anh T có quyền thăm nom con chung sau ly hôn và chị Ch không được phép gây khó khăn, cản trở.

2/ Về công sức đóng góp: Bà Nguyễn Thị X có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị Ch tiền công sức đóng góp là 48.000.000 đồng.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn Tích phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Xuân và chị Nguyễn Thị Chỉ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Ch tự nguyện kết hôn nên việc chị Ch yêu cầu anh T bồi thường tuổi thanh xuân với số tiền 50.000.000 đồng là không có cơ sở để chấp nhận

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả hỏi tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các đương sự tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Yêu cầu Ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Ch là quan hệ tranh chấp về Hôn nhân và gia đình. Chị Nguyễn Thị Ch cư trú tại xóm Ng, xã LS, huyện LS, tỉnh HB nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện LS, tỉnh HB theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Ch có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TS ngày 29/12/2009 (nay là xã LS) nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Theo anh T trình bày thì sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng trong tính cách cộng với việc anh làm ăn kinh tế thua lỗ nên chị Ch và gia đình xa lánh, coi thường không tôn trọng anh, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Vợ chồng anh sống ly thân từ năm 2016 đến nay không quan tâm đến nhau. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên đề nghị tòa án giải quyết ly hôn với chị Nguyễn Thị Ch. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Ch biết việc anh Nguyễn Văn T làm đơn xin ly hôn chị, tại biên bản trả lời thông báo thụ lý vụ án, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải chị xác nhận thời gian, điều kiện kết hôn như anh T trình bày là đúng. Mâu thuẫn vợ chồng chị là do anh T có người phụ nữ khác, không quan tâm đến gia đình, không có trách nhiệm với con, chị thừa nhận vợ chồng anh chị sống ly thân từ năm 2016 đến

nay không quan tâm đến nhau. Quá trình Tòa án giải quyết lúc đầu chị trình bày mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng không thể hàn gắn được chị đồng ý ly hôn, nhưng sau đó chị thay đổi quan điểm cho rằng mâu thuẫn gia đình chị chưa trầm trọng, chị vẫn còn thương yêu anh Tích, các con chị cần có bố chị xin được đoàn tụ gia đình. Nếu anh T bồi thường tuổi thanh xuân cho chị số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) thì chị đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Hội đồng xét xử xét thấy anh T trình bày anh và chị Ch đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay không quan tâm đến nhau, anh không còn thương yêu chị Ch, anh cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ch. Chị Nguyễn Thị Ch xác nhận vợ chồng anh chị sống ly thân từ năm 2016 đến nay, không quan tâm đến nhau như anh T đã trình bày, nhưng chị vẫn còn thương yêu anh T, các con chị cần có bố nên chị xin đoàn tụ gia đình. Chị Ch trình bày như vậy nhưng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh lời trình bày của mình là đúng, không có biện pháp để khắc phục mâu thuẫn gia đình, anh chị sống ly thân đã sáu năm nhưng chị không làm gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, cuộc sống chung của anh chị không còn tồn tại. Chị Ch không đồng ý ly hôn với anh T không phải vì còn thương yêu anh T mà vì chị muốn anh T bồi thường tuổi thanh xuân cho chị số tiền 50.000.000 đồng. Như vậy hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Ch đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ch, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho anh T.

[3]. Trong quá trình chung sống, anh T và chị Ch có 02 con chung:

1/ Nguyễn Thị Thanh Tr – sinh ngày 06/9/2010.

2/ Nguyễn Thanh H – sinh ngày 16/8/2013.

Ý kiến của anh T như sau: sau khi giải quyết ly hôn với chị Ch, anh T đồng ý cho chị Ch trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh Tr, sinh ngày 06/9/2010 và Nguyễn Thanh H, sinh ngày 16/8/2013 đến khi cháu Tr, cháu H trưởng thành đủ 18 tuổi, anh T chưa cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Ch.

Ý kiến của chị Ch trình bày: Nếu phải ly hôn với anh T chị xin được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Thị Thanh Tr và Nguyễn Thanh H đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Xét sự thỏa thuận này không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, Tòa án công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau: Chị Nguyễn Thị Ch được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh Tr, sinh ngày 06/9/2010 và Nguyễn Thanh H, sinh ngày 16/8/201 đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về công sức đóng góp: Chị Ch trình bày trong thời gian chị làm dâu nhà anh T, năm 2013 gia đình anh T xây nhà chị có đóng góp xây nhà cùng gia đình anh với tổng số tiền là 48.000.000 đồng. Ngôi nhà này hiện nay bà Nguyễn Thị X mẹ anh T đang quản lý, sử dụng, chị yêu cầu bà Nguyễn Thị X trả cho chị tiền công sức đóng góp là 48.000.000 đồng. Bà X cũng đồng ý trả cho chị Ch số tiền 48.000.000 đồng như chị Ch yêu cầu. Anh T cho rằng ngôi nhà chị Ch đóng góp công sức để xây hiện nay mẹ anh bà Nguyễn Thị X đang quản lý, sử dụng, bà X đồng ý trả cho chị Ch số tiền 48.000.000 đồng anh không có ý kiến gì. Số tiền này không liên quan đến anh.

Xét sự thỏa thuận này không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, Tòa án công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau: Bà Nguyễn Thị X trả cho chị Nguyễn Thị Ch tiền công sức đóng góp là 48.000.000 đồng **theo quy định tại Điều, 61 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.**

[5]. Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về công nợ: Không có, không đề nghị Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Ch yêu cầu anh Nguyễn Văn T phải bồi thường tuổi thanh xuân cho chị số tiền 50.000.000 đồng. Anh Nguyễn Văn T không đồng ý trả cho chị Ch số tiền này. Hội đồng xét xử xét thấy anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Ch tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Hôn nhân của anh chị là tự nguyện nên việc chị yêu cầu anh T bồi thường tuổi thanh xuân cho chị số tiền 50.000.000 đồng là không có cơ sở để chấp nhận.

[8]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án anh Nguyễn Văn T phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm, bà Nguyễn Thị X và chị Nguyễn Thị Ch phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 61, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ch.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1/ Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ch được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh Tr, sinh ngày 06/9/2010 và Nguyễn Thanh H, sinh ngày 16/8/2013 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Anh T được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

2/ Về công sức đóng góp: Bà Nguyễn Thị X có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị Ch số tiền 48.000.000 đồng (Bốn tám triệu đồng).

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật và người có quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nói trên thì phải chịu thêm lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

3/ Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005685 ngày 01 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Bà Nguyễn Thị X phải nộp 600.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, chị Nguyễn Thị Ch phải nộp 600.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình
- Sở tư pháp tỉnh HB;
- VKSND huyện LS;
- Chi cục Thi hành án DS H. LS;
- UBND xã Liên Sơn
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

